

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

## NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4480/QĐ - ĐT ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Giám đốc ĐHQGHN)

### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Sư phạm Lịch sử

+ Tiếng Anh: History Teacher Education

- Mã số ngành đào tạo: 52140218

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử

+ Tiếng Anh: The Degree of *Bachelor in History Teacher Education*

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Giáo dục

#### 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử có kiến thức sâu rộng về khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, có năng lực sư phạm đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta; đồng thời có thể học tiếp lên bậc cao hơn và tự học để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc.

#### 3. Thông tin tuyển sinh

Tuyển sinh trong các đợt thi tuyển sinh đại học cấp quốc gia, thí sinh có thể dự thi theo các khối C (Văn, Sử, Địa), khối D (Văn, Toán, Ngoại ngữ).

### PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Về kiến thức:

##### 1.1. Khối kiến thức chung

- Vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

## ***1.2. Khối kiến thức chung theo lĩnh vực***

- Vận dụng các kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của lịch sử văn minh thế giới trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.

- Vận dụng các kiến thức về quá trình lịch sử và các thành tố của văn hóa Việt Nam trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.

## ***1.3. Khối kiến thức chung của khối ngành***

- Nhận diện được bức tranh tâm lý đặc trưng của học sinh, trạng thái tâm lý, từ đó đề xuất phương pháp giáo dục, dạy học phù hợp.

- Giải thích được bản chất và vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội, biết các công việc của người GVCN đối với lớp học của mình

- Vận dụng các kiến thức về lí luận dạy học nói chung vào quá trình dạy học của bộ môn và có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện công nghệ trong dạy học.

- Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng về quy trình xây dựng và sử dụng các phương pháp đánh giá khách quan thành tích học tập của học sinh.

- Hình thành hiểu biết về nhân sinh quan, lý tưởng nghề nghiệp thông qua các hoạt động thực hành và tự định hướng trong việc điều chỉnh bản thân theo hướng tích cực.

## ***1.4. Khối kiến thức của nhóm ngành***

- Sử dụng được kiến thức cơ bản toàn diện, hệ thống về tiến trình lịch sử dân tộc và nhân loại trong việc học tập các môn học khác (thuộc chuyên ngành lịch sử ở bậc đại học), nghiên cứu và đáp ứng được yêu cầu dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

- Sử dụng được những hiểu biết cơ bản về lịch sử, khoa học lịch sử trong học tập và nghiên cứu lịch sử; vận dụng được tri thức phương pháp luận Sử học vào cuộc sống và hình thành các phương pháp nghiên cứu lịch sử.

- Vận dụng được những hiểu biết về quá trình phát triển của Sử học thế giới và Sử học Việt Nam, kiến thức về khảo cổ học trong học tập các môn học khác (thuộc chuyên ngành lịch sử ở bậc đại học), nghiên cứu và đáp ứng được yêu cầu dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

## ***1.5. Kiến thức ngành và bổ trợ***

- Lựa chọn, vận dụng được các phương pháp, phương tiện phù hợp mục tiêu, nội dung dạy học, đối tượng, hình thức tổ chức dạy học một cách hiệu quả nhất.

- Xây dựng được các công cụ hỗ trợ học sinh tự học và tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

- Thực hành vận dụng các kỹ thuật dạy học phù hợp đặc trưng môn Lịch sử theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh.

- Vận dụng những hiểu biết về một số vấn đề chuyên sâu của lịch sử dân tộc và lịch sử các nước trong khu vực vào học tập, nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

### ***1.6. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp***

- Hiểu và vận dụng được qui trình của các đợt kiến tập, thực tập sư phạm theo yêu cầu của trường phổ thông.

- Hiểu và vận dụng được qui trình thực hiện khoá luận tốt nghiệp; cách lập kế hoạch và khai thác các điều kiện học tập để hoàn thành tốt khoá luận.

- Vận dụng được phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương trong thực tiễn nghề nghiệp.

## **2. Về kỹ năng**

### ***2.1. Kỹ năng cứng***

#### ***2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp***

##### ***Kỹ năng tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục***

- Vận dụng kiến thức Tâm lý học, Giáo dục học, Lí luận dạy học... thiết kế được bộ công cụ khảo sát đối tượng dạy học.

- Vận dụng các kiến thức xã hội, khảo sát môi trường giáo dục (đặc điểm địa phương, cha mẹ HS...) phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục.

##### ***Kỹ năng xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch dạy học, giáo dục***

- Sử dụng các thông tin về đối tượng và môi trường giáo dục, xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch dạy học, giáo dục phù hợp đối tượng dạy học và môi trường giáo dục.

- Sử dụng các thông tin trong kế hoạch dạy học, lựa chọn được phương pháp, phương tiện dạy học, công cụ hỗ trợ phù hợp từng bài học.

- Lập được kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp, giáo dục, quản lý người học.

##### ***Kỹ năng tổ chức và triển khai kế hoạch dạy học, giáo dục***

- Dựa vào kế hoạch dạy học, xác định được các hình thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học phù hợp mục tiêu, nội dung, đối tượng dạy học.

- Tổ chức được các hoạt động dạy học đa dạng phù hợp các đối tượng khác nhau, vận dụng cách thức hướng dẫn học sinh tự học phù hợp môn học.

- Kết hợp được các hoạt động giáo dục trong quá trình dạy học môn học, trong và ngoài nhà trường.

- Có khả năng giáo dục học sinh đặc biệt.

*Kỹ năng đánh giá kết quả học tập của người học, đánh giá cải tiến việc dạy học, giáo dục*

- Lập được kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên, đánh giá tổng kết trong quá trình dạy học.

- Thiết kế được các bài kiểm tra đánh giá theo những mục đích, mục tiêu phù hợp nhằm đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

- Dựa vào kế hoạch dạy học, giáo dục, lập được bản ghi chép, đánh giá cải tiến việc dạy học, giáo dục; lập được kế hoạch đánh giá kết quả của từng hoạt động giáo dục.

- Xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ dạy học.

*Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp*

- Lập được kế hoạch tự học, tự nghiên cứu phát triển chuyên môn, nghề nghiệp phù hợp bản thân và môi trường làm việc.

*2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

- Phát hiện và hình thành được vấn đề nghiên cứu, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp thực tiễn dạy học.

*2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

- Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ dạy học môn học (Lịch sử).

*2.1.4. Khả năng đánh giá bối cảnh xã hội, tổ chức*

- Đánh giá được bối cảnh lịch sử, văn hóa dân tộc và bối cảnh toàn cầu đối với giáo dục nói chung, dạy học lịch sử nói riêng từ đó có những thích ứng kịp thời nhằm phát triển nghề nghiệp chuyên môn.

*2.1.5. Năng lực vận dụng được các kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn nghề nghiệp*

- Sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về nghiên cứu và dạy học Lịch sử.

#### *2.1.6. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*

- Cập nhật kiến thức, đề xuất các ý tưởng cải tiến việc dạy học môn học, viết và phổ biến các sáng kiến kinh nghiệm cho môn học, hình thành các ý tưởng nghiên cứu hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn.

### **2.2. Kỹ năng mềm**

#### *2.2.1. Các kỹ năng cá nhân*

- Có khả năng tự học và học tập suốt đời
- Thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi...

#### *2.2.2. Làm việc theo nhóm*

- Có khả năng thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung.
- Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh

#### *2.2.3. Kỹ năng quản lý, lãnh đạo*

- Có khả năng ra quyết định, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, kiểm tra các hoạt động trong trường, trong lớp phụ trách.

#### *2.2.4. Hoạt động xã hội*

- Tổ chức được các hoạt động xã hội đa dạng, phù hợp đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu dạy học, giáo dục.

#### *2.2.5. Kỹ năng giao tiếp*

- Có khả năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản hoặc email.

#### *2.2.6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học*

- Kỹ năng nghe, nói, đọc viết đạt trình độ B1 theo khung tham chiếu chuẩn của Châu Âu (tương đương 4.0 IELTS).

- Sử dụng được tin học văn phòng cơ bản phù hợp công việc chuyên môn.

### **3. Về phẩm chất đạo đức**

#### **3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân**

- Kiên trì, có ý thức trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tự tin, chủ động, linh hoạt, say mê công việc.

### 3.2. *Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp*

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo;
- Yêu nghề, yêu học sinh, nhiệt tình trong công tác;
- Tác phong chuyên nghiệp, thể hiện tác phong mẫu mực của người giáo viên.

### 3.3. *Phẩm chất đạo đức xã hội*

- Có tinh thần dân tộc, hiểu biết về văn hóa dân tộc Việt Nam.
- Có ý thức về an ninh quốc phòng toàn dân, thể hiện lập trường vững vàng và sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

## 4. Những vị trí trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Làm công tác nghiên cứu ở tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, đặc biệt về lĩnh vực Sử học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử.

- Làm công tác giảng dạy lịch sử tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học. Có khả năng hướng dẫn và bồi dưỡng học sinh giỏi Lịch sử tại các trường phổ thông;

- Làm công tác quản lý tư liệu lịch sử, quản lý bảo tàng, di tích lịch sử...

- Làm công tác lịch sử, văn hoá ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội.

- Làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.

## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

<b>Tổng số tín chỉ phải tích lũy:</b>	<b>136 tín chỉ</b>
- <b>Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:</b>	<b>27 tín chỉ</b>
<i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)</i>	
- <b>Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:</b>	<b>10 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>4/10 tín chỉ</i>
- <b>Khối kiến thức chung của khối ngành:</b>	<b>22 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>16 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>06/10 tín chỉ</i>
- <b>Khối kiến thức chung của nhóm ngành:</b>	<b>42 tín chỉ</b>

- + *Bắt buộc*: 34 tín chỉ
- + *Tự chọn*: 8/14 tín chỉ
- **Khối kiến thức ngành và bổ trợ**: 25 tín chỉ
  - + *Bắt buộc*: 15 tín chỉ
  - + *Tự chọn*: 10/18 tín chỉ
- **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp**: 10 tín chỉ

## 2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã Môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I.</b>		<b>Khối kiến thức chung</b> (Không tính các môn học từ 9-14)	<b>27</b>				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6		Ngoại ngữ A1	4	16	40	4	
	FLF1105	Tiếng Anh A1					
	FLF1205	Tiếng Nga A1					
	FLF1305	Tiếng Pháp A1					
	FLF1405	Tiếng Trung A1					
7		Ngoại ngữ A2	5	20	50	5	
	FLF1106	Tiếng Anh A2					FLF1105
	FLF1206	Tiếng Nga A2					FLF1205
	FLF1306	Tiếng Pháp A2					FLF1305
	FLF1406	Tiếng Trung A2					FLF1405
8		Ngoại ngữ B1	5	20	50	5	
	FLF1107	Tiếng Anh B1					FLF1106
	FLF1207	Tiếng Nga B1					FLF1206
	FLF1307	Tiếng Pháp B1					FLF1306
	FLF1407	Tiếng Trung B1					FLF1406
9	PES1001	Giáo dục thể chất 1	2	2	26	2	

Số TT	Mã Môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
10	PES1002	Giáo dục thể chất 2	2	2	26	2	PES1001
11	CME1001	Giáo dục quốc phòng 1	2	14	12	4	
12	CME1002	Giáo dục quốc phòng 2	2	18	12		CME1001
13	CME1003	Giáo dục quốc phòng 3	3	21	18	6	
14	CSS1001	Kỹ năng mềm	3				
<b>II.</b>		<b>Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (M2)</b>	<b>10</b>				
<b>II.1.</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>6</b>				
15	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
16	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	42	3		
<b>II.2.</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>4/10</b>				
17	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
18	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	
19	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		
20	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	10		
21	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	
<b>III.</b>		<b>Khối kiến thức chung của khối ngành (M3)</b>	<b>22</b>				
<b>III.1.</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>16</b>				
22	PSE1001	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	4	28	24	8	
23	PSE1002	Giáo dục học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường.	4	30	24	6	PSE1001
24	TMT1001	Lý luận và Công nghệ dạy học	3	30	24	6	PSE1002
25	PSE1003	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	22	18	5	PSE1002
26	PSE1004	Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội	2	15	25	5	
<b>III.2.</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>6/10</b>				
27	EDM4001	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	2	20	8	2	PSE1002
28	PSE1005	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	20	8	2	
29	PSE1006	Tư vấn tâm lý học đường	2	20	8	2	
30	PSE1007	Giáo dục thẩm mỹ	2	20	8	2	
31	PSE1008	Giao tiếp - ứng xử sư phạm	2	20	8	2	



Số TT	Mã Môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>IV.</b>		<b>Khối kiến thức của nhóm ngành</b>	<b>42</b>				
<b>IV.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>34</b>				
32	HIS2061	Lịch sử Việt Nam cổ- trung đại	4	56	4		
33	HIS2019	Lịch sử Việt Nam cận đại	3	42	3		HIS2061
34	HIS2104	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	56	4		HIS2019
35	HIS2064	Lịch sử Thế giới cổ- trung đại	4	56	4		
36	HIS2006	Lịch sử Thế giới cận đại	3	42	3		HIS2064
37	HIS2065	Lịch sử Thế giới hiện đại	4	56	4		HIS2006
38	HIS1150	Phương pháp luận sử học	2	28	2		
39	ITS1101	Thế chế chính trị thế giới	3	45			
40	HIS2020	Lịch sử sử học	4	56	4		
41	HIS2010	Cơ sở khảo cổ học	3	42	3		
<b>IV.2.</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>8/14</b>				
42	HIS2021	Làng xã Việt Nam trong lịch sử	2	28	2		HIS2061
43	HIS3001	Đô thị cổ Việt Nam	2	28	2		HIS2061
44	SIN3055	Hán Nôm cơ sở	4	56	4		
45	HIS3018	Các tôn giáo thế giới	2	28	2		
46	HIS2016	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Bắc Á	2	28	2		
47	HIS2017	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Nam Á	2	28	2		
<b>V.</b>		<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>	<b>25</b>				
<b>V.1.</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>15</b>				
48	TMT1007	Chương trình, phương pháp dạy học Lịch sử	4	20	36	4	
49	TMT1601	Thực hành dạy học Lịch sử	3	3	33	9	
50	HIS3107	Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử	4	56	4		
51	HIS3003	Tiếp xúc văn hóa Đông-Tây ở Việt Nam thời cận đại	2	28	2		HIS2019
52	HIS3079	Biến đổi kinh tế- xã hội Việt Nam 1945-2010	2	28	2		HIS2104
<b>V.2.</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>10/18</b>				
53	TMT1602	Kỹ thuật dạy học Lịch sử	2	12	16	2	TMT 1007
54	TMT1603	Thực hành sử dụng phương	2	4	20	6	

Số TT	Mã Môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		tiện công nghệ trong dạy học Lịch sử					
55	HIS2013	Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá Chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam	2	28	2		HIS2019
56	HIS3007	Lịch sử chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời cổ trung đại	2	28	2		HIS2061
57	HIS3010	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	2	28	2		HIS2019
58	HIS3082	Quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực Biển Đông	2	28	2		HIS2064
59	HIS2015	Đường lối đổi mới theo định hướng XHCN của Đảng CSVN	2	28	2		
60	HIS3024	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh	2	28	2		HIS2065
61	HIS3025	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai	2	28	2		HIS2065
<b>VI.</b>		<b>Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>	<b>10</b>				
62	TMT3001	Thực tập Sư phạm	4	10	45	5	TMT1007
63	TMT4001	Khóa luận tốt nghiệp	6				
		Các môn thay thế khóa luận/thi tốt nghiệp	<b>6</b>				
<b>VI.1.</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>3</b>				
64	HIS4059	Quá trình dân tộc-lãnh thổ của Việt Nam	3	39	6		
<b>VI.2.</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>3/15</b>				
65	TMT4602	Lí luận, công nghệ dạy học hiện đại môn Lịch sử	3	21	18	6	
66	TMT4002	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến	3	18	21	6	TMT1001 TMT1007
67	TMT4603	Nghiên cứu và dạy học Lịch sử địa phương	3	21	18	6	
68	PSE4099	Tư vấn hướng nghiệp	3	21	18	9	PSE1001 PSE1002
69	PSE4098	Cảm xúc và cơ sở sinh lý học của cảm xúc	3	24	15	6	PSE1001
		<b>Tổng cộng</b>	<b>136</b>				



